

Bản án số: 14/2019/HS-ST

Ngày: 10/04/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Bảo và ông Vũ Đức Bính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Dương Văn T; Giới tính: nam; Sinh ngày 01/08/1999; Nơi sinh: xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12.

Bố đẻ: Dương Văn S, sinh năm 1970; Mẹ đẻ: Trần Thị N, sinh năm 1975; cùng trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Lịch sử bản thân: Bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Buôn lậu” theo bản án số 19/HSST ngày 29/3/2016. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 29/3/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ; Giới tính: nam; Sinh năm: 1991; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Trần Thị N1, sinh năm 1968; Cùng trú tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: chưa có.

Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 24/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 27 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 45/2015/HSST ngày 24/12/2015 bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 15/6/2017; chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lại Văn K (Tên gọi khác: Lại Văn T1); Giới tính: nam; Sinh năm: 1986; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12.

Bố đẻ: Lại Văn N2, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Trần Thị L1, sinh năm 1964; Cùng trú tại: xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 2 anh em, bị can là con thứ hai. Có vợ: Mai Thị H, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do. Trú tại: xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có 2 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Lịch sử bản thân: bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo (thời gian thử thách 18 tháng) về tội “Buôn lậu” theo bản án số 19/HSST ngày 29/3/2016. Đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 29/9/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Dương Văn N3; Giới tính: nam; Sinh năm: 1994; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Dương Văn O, sinh năm 1969, trú tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Mẹ đẻ: Phạm Thị T2 (Đã chết); Gia đình có 2 anh em, bị can là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Dương Văn Q; Giới tính: nam; Sinh năm: 1990; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12.

Bố đẻ: Dương Văn K1, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Trần Thị D, sinh năm 1960; cùng trú tại: tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 5 chị em, bị can là con thứ tư; Có vợ: Lê Thị H1, sinh năm 1993, nghề nghiệp: lao động tự do; trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Đỗ Văn M; Giới tính: nam; Sinh năm: 1975; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/10.

Bố đẻ: Đỗ Văn C (Đã chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị V, sinh năm 1946; trú tại: tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 5 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Dương Thị N4. Sinh năm 1983; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Phạm Văn Đ1; Giới tính: nam; Sinh năm: 1985; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Phạm Văn Đ2, sinh năm 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957; cùng trú tại xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 5 anh em, bị can là con thứ tư; Có vợ: Ngô Thị H2. Sinh năm 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: xóm 6, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Trần Văn T4; Giới tính: nam; Sinh năm: 1984; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12.

Bố đẻ: Trần Văn R, sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Dương Thị T5, sinh năm 1952; cùng trú tại xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 6 anh em, bị can là con thứ năm; Có vợ: Phạm Thị P. Sinh năm 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có 2 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2018 chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 17/12/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Văn S, sinh năm 1970; trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chiều ngày 14/12/2018, Lại Văn K, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Dương Văn N3, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn T4 có đến nhà Dương Văn T ở xóm 5 xã K, huyện K để ngồi chơi, uống nước. Quá trình ngồi nói chuyện, T bảo với mọi người “Anh em, chú cháu mình làm mấy ván liêng cho vui” thì mọi người đều hiểu và đồng ý.

T lấy một bộ tú lơ khơ để ở dưới gầm tủ Tivi rồi cùng 5 người khác là K, Q, M, N3, Đ ngồi quây tròn trên chiếc chiếu trải sẵn ở gian phòng phía Đông, riêng T4 nằm trên giường không chơi. Những người chơi thống nhất với nhau luật chơi là mỗi ván góp gà 10.000^d, tổ hết lảng là 100.000^d. Sáu người nêu trên bắt đầu đánh bạc liên tục từ khoảng 14 giờ 30 phút, đến 17 giờ cùng ngày thì có Phạm Văn Đ1 là người quen biết với T đến nhà T chơi, thấy mọi người đang đánh bạc thì xin vào chơi cùng. Trong suốt quá trình mọi người chơi T4 chỉ nằm trên giường xem, khi Đ1 đến thì T4 đứng dậy đi ra ngoài. Một lát sau, T4 quay lại và cũng vào đánh bạc cùng mọi người. Với hình thức nêu trên, 8 người chơi đánh bạc liên tục đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện K phối hợp với Công an xã K phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc 7.840.000^d là số tiền huy động vào việc đánh bạc, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói màu đỏ- trắng đục. Ngoài ra còn tạm giữ trên người các đối tượng 04 ví da đã qua sử dụng, 10 điện thoại di động đã cũ các loại.

Quá trình điều tra Dương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lại Văn K, Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 11/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 và 3 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lại Văn K, Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo T số tiền 25-30 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bổ sung từ 25- 30 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lại Văn K từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bổ sung từ 15- 20 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt các bị cáo Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 từ 20- 25 triệu đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu số tiền 7.840.000^d là tiền mà các bị cáo huy động vào việc đánh bạc.

+ Trả lại 01 điện thoại di động SAMSUNG J5 màu vàng cho bị cáo T4; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu đen và 01 ví da màu nâu cho bị cáo K; 01 điện thoại di động IPHONE 6 PLUS màu hồng, 01 điện thoại di động NOKIA 101 màu

đen và 01 ví da màu nâu cho bị cáo N3; 01 điện thoại di động OPPO F5 màu vàng cho bị cáo Q; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu đen, 01 điện thoại di động NOKIA C5 màu vàng và 01 ví da màu đen cho bị cáo Đ; 01 điện thoại di động SAMSUNG J2 màu vàng và 01 ví da màu nâu cho bị cáo M; 01 điện thoại di động SAMSUNG J3 màu vàng cho bị cáo Đ1; 01 điện thoại PHILIP màu đen cho bị cáo T. Nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói màu đỏ- trắng đục để tiếp tục giải quyết theo vụ án.

+ Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo T đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện chiều ngày 14/12/2018 như tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: Biên bản phạm tội quả tang lập hồi 17 giờ 30 phút ngày 14/12/2018, lời khai của người làm chứng và vật chứng thu giữ là số tiền 7.840.000^d cùng vật chứng mà các bị cáo sử dụng vào việc Đánh bạc.

[2] Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút ngày 14/12/2018 các bị cáo Dương Văn Tuấn, Nguyễn Văn Đ, Lại Văn K, Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 đánh bạc với hình thức chơi “Liêng”. Với số tiền dùng để đánh bạc là 7.840.000 đồng các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[4] Trong vụ án này HĐXX thấy: Có nhiều bị cáo tham gia hành vi phạm tội; phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Dương Văn T là chủ nhà, đã từng bị xét xử về tội buôn lậu không lấy đó làm bài học kinh nghiệm còn là ng-ời chủ động rủ rê những ng-ời

khác tham gia đánh bạc; tham gia đánh bạc từ đầu giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là người có tiền án về tội cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích đồng thời là đối tượng sử dụng số tiền lớn nhất tham gia đánh bạc giữ vai trò thứ hai trong vụ án mức hình phạt thấp hơn bị cáo Tuấn nhưng phải cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Lại Văn K là đối tượng đã từng bị xét xử về tội buôn lậu không lấy đó làm bài học kinh nghiệm còn tiếp tục vi phạm pháp luật giữ vai trò thứ ba trong vụ án mức hình phạt thấp hơn bị cáo T và Đ nhưng phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với các bị cáo Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 là các đối tượng chưa có tiền án tiền sự phạm tội khi được rủ rê giữ vai trò cuối cùng trong vụ án, mức hình phạt là như nhau.

[5] Về các tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo Đ phạm tội khi chưa được xóa án tích về tội “ Cố ý gây thương tích” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tại cơ quan điều tra và phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 là những người có nhân thân tốt, phạm tội thuộc khoản 1 Điều 321 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

[7] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với người lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; đồng phạm với vai trò thứ yếu thì thấy rằng:

Đối với bị cáo Dương Văn T là bị cáo giữ vai trò đầu vụ cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc; tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích. Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 3, Điều 321 BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo để tăng tính răn đe phòng ngừa. Trong quá trình cải tạo không giam giữ khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung ngân sách nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vai trò thứ hai trong vụ án cũng cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc; tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nhưng không cùng tội danh, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không

lớn nên không dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền ở mức cao cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với bị cáo Lại Văn K là bị cáo giữ vai trò thứ ba trong vụ án, có nhân thân đã từng bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc; tuy nhiên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mục đích thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, số tiền huy động để đánh bạc không lớn nên không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền ở mức cao cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích.

Đối với các bị cáo Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 có hai tình tiết giảm nhẹ nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục cải tạo các bị cáo thành các công dân có ích cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[14] Về xử lý vật chứng: Số tiền 7.840.000^d là tiền mà các bị cáo huy động vào việc đánh bạc là tiền do phạm tội mà có; căn cứ điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối 01 điện thoại di động SAMSUNG J5 màu vàng thu giữ của bị cáo T4; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu đen và 01 ví da màu nâu thu giữ của bị cáo K; 01 điện thoại di động IPHONE 6 PLUS màu hồng, 01 điện thoại di động NOKIA 101 màu đen và 01 ví da màu nâu thu giữ của bị cáo N3; 01 điện thoại di động OPPO F5 màu vàng thu giữ của bị cáo Q; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu đen, 01 điện thoại di động NOKIA C5 màu vàng và 01 ví da màu đen thu giữ của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động SAMSUNG J2 màu vàng và 01 ví da màu nâu thu giữ của bị cáo M; 01 điện thoại di động SAMSUNG J3 màu vàng thu giữ của bị cáo Đ1; 01 điện thoại PHILIP màu đen thu giữ của bị cáo T. Các vật chứng này là tài sản riêng của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói màu đỏ- trắng đục là vật chứng không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điều 47 BLHS năm 2015 và Điều 106 BLTT HS năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

[15] Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[16] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[17] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố ngoài trừ việc xử lý vật chứng cũn thiếu sót đều đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Ktố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lại Văn K, Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: xử phạt bị cáo Dương Văn T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bổ sung bị cáo T số tiền 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước. Khấu trừ 5% thu nhập đối với bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo T được trừ 09 ngày cải tạo không giam giữ cho thời gian tạm giữ 03 ngày từ 14/12/2018 đến 17/12/2018 còn phải thi hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Dương Văn T cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS: Phạt bị cáo Lại Văn Kiên 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS: Phạt các bị cáo Dương Văn N3, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 mỗi bị cáo 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Khoản 2, 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu số tiền 7.840.000^d là tiền mà các bị cáo huy động vào việc đánh bạc.

+ Trả lại 01 điện thoại di động SAMSUNG J5 màu vàng cho bị cáo T4; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu đen và 01 ví da màu nâu cho bị cáo K; 01 điện thoại di động IPHONE 6 PLUS màu hồng, 01 điện thoại di động NOKIA 101 màu đen và 01 ví da màu nâu cho bị cáo N3; 01 điện thoại di động OPPO F5 màu vàng cho bị cáo Q; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu đen, 01 điện thoại di động NOKIA C5 màu vàng và 01 ví da màu đen cho bị cáo Đ; 01 điện thoại di động SAMSUNG J2 màu vàng và 01 ví da màu nâu cho bị cáo M; 01 điện thoại di động SAMSUNG J3 màu vàng cho bị cáo Đ1; 01 điện thoại PHILIP màu đen cho bị cáo T. Nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói màu đỏ- trắng đục để tiếp tục giải quyết theo vụ án.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan điều tra và chỉ huy Thi hành án dân sự huyện K ngày 12/3/2019)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lại Văn K,

Dương Văn N, Dương Văn Q, Đỗ Văn M, Phạm Văn Đ1, Trần Văn T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi Cục THA huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã Đ, K, Y;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu HS&VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Thế Anh